TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 30-5-2019
V/v Ly hôn giữa chị V với anh Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Vui;
Ông Y Krang Jie.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'Krông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Mai Thị V, sinh năm 1990;
Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú trước khi bị tuyên bố mất tích: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị Mai Thị V trình bày:

Chị V và anh Nguyễn Thanh Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 11/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sau kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình bên chị V tại thôn Đ, xã B. Ngay thời gian đầu chung sống, vợ chồng đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau về những vấn đề cuộc sống hằng ngày. Khoảng tháng 3/2009, anh Đ đã bỏ nhà đâu chị không biết; đến đầu năm 2013, anh Đ trở về sinh sống với chị nhưng chỉ được thời gian ngắn, đến cuối năm 2013, trong khi chị V đang mang thai anh Đ lại bỏ nhà đi không báo cho gia đình chị biết. Từ đó đến nay, anh chị không gặp lại nhau, anh Đ không liên hệ với gia đình, người thân về việc anh Đ sống ở đâu, làm gì; bản thân chị V cũng đã tìm kiếm qua người thân hai bên vợ chồng nhưng không

có kết quả. Năm 2018, chị V đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Đ mất tích; ngày 28/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Lắk đã có quyết định số 04/2018/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Thanh Đ mất tích từ năm 2013.

Từ khi có quyết định tuyên bố mất tích trên đến nay, chị vẫn không có tin tức gì về anh Đ. Nay chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con, anh chị có 01 con chung là Mai Tiến Kh sinh ngày 08/5/2014; khi được ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được quyền trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu, bởi chị có đủ điều kiện nuôi con; hơn nữa, anh Đ vẫn biệt vô âm tín nên có yêu cầu cũng không thực hiện được trên thực tế.

Về tài sản: anh chị chung sống với gia đình cha mẹ chị thời gian ngắn, chưa tạo được tài sản gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của chị V nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của anh Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Lắk tuyên bố mất tích tại Quyết định số 04/2018/QĐST-DS ngày 28/12/2018 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mai Thị V và anh Nguyễn Thanh Đ có đăng ký kết hôn; chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn". Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện L trước khi bị tuyên bố mất tích nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Thanh Đ, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Đ.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2008 ngày 11/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, cùng lời khai của chị V về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị V với anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V: Quá trình chung sống vợ chồng chỉ thời gian ngắn nhưng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Đến cuối năm 2013, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, anh Đ bỏ đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì, chị V cũng đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Đ mất tích. Nay, chị V xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Thanh Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Lắk tuyên bố mất tích tại Quyết định số 04/2018/QĐST-ST ngày 28/12/2018. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn này Tòa án cũng đã tiến hành xác minh lại và làm thủ tục niêm yết triệu tập hợp lệ anh Đ đến Tòa trình bày ý kiến, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, đến nay anh Đ không trở về địa phương và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không rõ lý do. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị V cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V và anh Đ có 01 con chung tên Mai Tiến Kh, sinh ngày 08/5/2014. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; thực tế từ khi sinh ra đến nay, cháu Kh ở với chị V, được chị V nuôi dưỡng đầy đủ; hơn nữa, việc biệt tích nhiều năm của anh Đ thể hiện sự vô trách nhiệm của người cha đối với con. Do đó, việc giao cháu Kh cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị V không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản: Chị V xác định trong quá trình chung sống bà và anh Đ không có tài sản chung cũng như không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 81,82, 83, 84 của Luật

Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Mai Thị V với anh Nguyễn Thanh Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Mai Tiến Kh, sinh ngày 08/5/2014 cho chị Mai Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí: chị Mai Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001675 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắk; Chị Mai Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30/5/2019; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND H. L;
- Chi cục THA DS H. Lắk;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng